

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1570~~/QĐ-BTP

Hà Nội, ngày 13 tháng 7 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính
và tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật
tại Bộ Công Thương**

BỘ TRƯỞNG BỘ TƯ PHÁP

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 20/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 96/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Nghị định số 19/2020/NĐ-CP ngày 12/02/2020 của Chính phủ kiểm tra, xử lý kỷ luật trong thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 678/QĐ-BTP ngày 26/3/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành Quy chế xây dựng kế hoạch của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-BTP ngày 05/02/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2020 của Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-BTP ngày 12/2/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp phê duyệt Kế hoạch công tác năm 2020 của Vụ Hợp tác quốc tế;

Căn cứ Quyết định số 955/QĐ-BTP ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc phê duyệt Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm, tập huấn và các đoàn thanh tra, kiểm tra, khảo sát của Bộ Tư pháp năm 2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quyết định kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật tại Bộ Công Thương.

Điều 2: Địa điểm, nội dung, thời hạn kiểm tra

1. Đối với kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính

a) Địa điểm kiểm tra:

Trụ sở Bộ Công Thương; trụ sở Tổng Cục quản lý thị trường, trụ sở Thanh tra Bộ (hoặc trụ sở Cục Xúc tiến thương mại), Bộ Công Thương.

b) Nội dung kiểm tra:

** Kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính*

- Công tác chỉ đạo, điều hành; việc xây dựng và tiến độ, kết quả triển khai kế hoạch quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

- Tình hình ban hành văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến xử lý vi phạm hành chính; kết quả theo dõi chung tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính;

- Tổ chức công tác phổ biến, tập huấn, bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ;

- Việc bố trí nguồn lực và các điều kiện khác để bảo đảm cho việc thi hành pháp luật xử lý vi phạm hành chính; tổng số người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo từng chức danh tại cơ quan, đơn vị;

- Việc thực hiện chế độ thống kê, báo cáo về xử lý vi phạm hành chính;

- Việc thực hiện trách nhiệm của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong tổ chức thực hiện và áp dụng pháp luật về xử lý vi phạm hành chính, pháp luật khác có liên quan đến xử lý vi phạm hành chính.

** Kiểm tra việc áp dụng pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính*

- Tổng số vụ vi phạm; tổng số vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính; số vụ vi phạm bị xử phạt vi phạm hành chính trong từng lĩnh vực quản lý; số vụ chuyển cơ quan tố tụng để truy cứu trách nhiệm hình sự; số vụ việc cơ quan tố tụng chuyển để xử phạt vi phạm hành chính;

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục lập biên bản vi phạm hành chính và ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Tình hình, kết quả thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả trong trường hợp không ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính, quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính;

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về giải trình;

- Việc thực hiện các quy định pháp luật về thẩm quyền, thủ tục áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử phạt vi phạm hành chính;

- Việc quản lý tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, chứng từ thu nộp tiền phạt;

- Việc lưu trữ hồ sơ xử phạt vi phạm hành chính.

c) Thời hạn kiểm tra: 02 ngày làm việc.

2. Đối với kiểm tra tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật

Tình hình thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật trong khoảng thời gian từ ngày 01/1/2019 đến hết ngày 31/5/2020, bao gồm:

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật trong việc: vận động, xây dựng và phê duyệt chương trình, dự án, viện trợ phi dự án về pháp luật; thực hiện các chương trình, dự án, viện trợ phi dự án đã phê duyệt (bao gồm các hoạt động trong khuôn khổ các chương trình, dự án do Bộ Tư pháp là cơ quan chủ quản);

- Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, chia sẻ kết quả của hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật;

- Kết quả, hiệu quả của các hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật đối với việc thực hiện nhiệm vụ của Bộ Công Thương; những vướng mắc, khó khăn trong quá trình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật;

- Đề xuất, kiến nghị của cơ quan được kiểm tra nhằm nâng cao công tác hợp tác quốc tế về pháp luật trong thời gian tới.

Điều 3: Thành phần đoàn kiểm tra

1. Đối với kiểm tra tình hình thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính:

- Bà Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Trưởng đoàn;
- Ông Đặng Thanh Sơn, Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp - Phó Trưởng đoàn;
- Bà Nguyễn Thanh Hà, Phó Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp - Thành viên;
- Đại diện Cục pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, Bộ Công an – Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Thanh tra Bộ Tư pháp - Thành viên;
- Ông Hoàng Tiến Đạt, chuyên viên, Ban Thư ký - Thành viên;
- Đại diện Phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp - Thành viên;
- Đại diện Phòng Cơ sở dữ liệu xử lý vi phạm hành chính, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp - Thành viên;
- Ông Nguyễn Hoàng Việt, Phó Trưởng phòng Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Bộ Tư pháp - Thành viên kiêm Thư ký Đoàn kiểm tra.

2. Đối với kiểm tra tình hình thực hiện hợp tác quốc tế về pháp luật

- Bà Đặng Hoàng Oanh, Thứ trưởng Bộ Tư pháp - Trưởng đoàn;
- Ông Nguyễn Hữu Huyền, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp – Phó trưởng Đoàn;
- Đại diện lãnh đạo Ban Đối ngoại Trung ương – Thành viên;

- Đại diện lãnh đạo Bộ Công an – Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư – Thành viên;
- Đại diện lãnh đạo Bộ Tài chính – Thành viên;
- Đại diện Phòng Hành chính Tổng hợp và Quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật, Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Tư pháp – Thành viên.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của đoàn kiểm tra

1. Quyền hạn của đoàn kiểm tra:

- Yêu cầu đối tượng được kiểm tra trực tiếp làm việc hoặc cử người đại diện làm việc với đoàn kiểm tra;

- Yêu cầu đối tượng được kiểm tra cung cấp đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu và giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; trường hợp cần thiết, có thể yêu cầu đối tượng được kiểm tra cung cấp tang vật, phương tiện vi phạm phục vụ cho công tác xác minh;

- Trường hợp cần thiết, đoàn kiểm tra có thể tiến hành xác minh để làm rõ các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Trách nhiệm của đoàn kiểm tra:

- Tổ chức thực hiện kiểm tra theo quyết định kiểm tra;

- Báo cáo người có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra về kết quả kiểm tra và đề xuất phương án xử lý;

- Sử dụng thông tin; sử dụng, bảo quản hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện có liên quan đến nội dung kiểm tra theo đúng quy định pháp luật; không làm hư hỏng hoặc thất thoát tài sản hợp pháp của đối tượng được kiểm tra;

- Hoàn trả đầy đủ hồ sơ, tài liệu, tang vật, phương tiện do đối tượng được kiểm tra cung cấp.

Điều 5. Quyền và trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra

1. Quyền của đối tượng được kiểm tra:

- Được thông báo bằng văn bản về kế hoạch, quyết định kiểm tra;

- Kiến nghị, giải trình về kết luận kiểm tra;

- Khiếu nại đối với kết luận kiểm tra và các hành vi hành chính của người có thẩm quyền trong kiểm tra theo quy định của pháp luật về khiếu nại;

- Tố cáo đối với các hành vi vi phạm pháp luật trong kiểm tra theo quy định của pháp luật về tố cáo;

- Từ chối yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu không liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Trách nhiệm của đối tượng được kiểm tra:

- Phối hợp và tạo điều kiện cho đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ trong quá trình kiểm tra;

- Thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin, báo cáo theo yêu cầu của đoàn kiểm tra; báo cáo, cung cấp thông tin, tài liệu trung thực, kịp thời; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của báo cáo, thông tin và tài liệu cung cấp; giải trình những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra;

- Chấp hành kết luận kiểm tra; xử lý kết quả kiểm tra trên cơ sở kiến nghị của đoàn kiểm tra trong kết luận kiểm tra;

- Chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng kết luận kiểm tra.

Điều 6. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện kiểm tra từ nguồn ngân sách nhà nước phân bổ cho việc thực hiện hoạt động quản lý nhà nước đối với công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính năm 2020 và việc theo dõi thi hành quản lý hợp tác quốc tế về pháp luật; thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Nghị định số 113/2014/NĐ-CP ngày 26/11/2014 của Chính phủ về quản lý hợp tác quốc tế năm 2020.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 8. Cục trưởng Cục Quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật, Vụ trưởng Vụ Hợp tác quốc tế, đối tượng được kiểm tra, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Tư pháp và các ông (bà) có tên tại Điều 3 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Công Thương (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục QLXLVPHC&TDTHPL (03b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Đặng Hoàng Oanh